

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, NỘI DUNG-HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường mầm non Mỹ Xá. Năm học 2025-2026)

I. Độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non 3 tuần 08/09/2025-26/9/2025	08/ 09 - 12/09/2025	Lớp mẫu giáo	
		15 /09 - 19/09/2025	Trường mầm non Mỹ Xá	
		22 /09 - 26/09/2025	Ngày Tết Trung Thu	
2	Bản Thân 3 tuần 29/9/2025-17/10/2025	29/09 - 03/10/2025	Tôi là ai	
		6/10 - 10/10/2025	Cơ Thể tôi	
		13/10 - 17/10/2025	Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh	
3	Gia đình 4 tuần 20/10-14/11/2025	20/10 - 24/10/2025	Ngôi nhà của bé	
		27/10 - 31/10/2025	Bố mẹ và những người thân yêu	
		03/11 - 07/11/2025	Họ hàng của gia đình bé	
		10/11 - 14/11/2025	Đồ dùng gia đình	
	Nghề nghiệp	17/11 - 21/11/2025	Nghề giáo viên , bác sĩ, bộ đội	

4	4 tuần 17/11-12/12/2025	24/11 - 28/11/2025	Nghề công nhân , nông dân, nghề mộc	
		01/12 - 05/12/2025	Nghề bán hàng, hướng dẫn viên du lịch, lái xe	
		08/12 - 12/12/2025	Nghề truyền thống địa phương	
5	Thế Giới động vật 4 tuần 15/12-9/1/2026	15/12 - 19/12/2025	1 số con vật thân quen trong nhà	
		22/12 - 26/12/2025	1 số con vật sống dưới nước	
		29/12/2025 - 2/1/2026	1 số con vật sống trong rừng	
		05/01- 9/01/2026	Một số Côn trùng và chim	
6	Thực vật 4 tuần 12/1/2026-6/2/2026	12/01- 16/01/2026 (KT Học kỳ I)	Tết và mùa xuân	
		19/01- 23/01/2026	Một số loại rau quả bé thích	
		26/01- 30/01/2026	1 số loại hoa bé yêu	
		2/02- 6/02/2026	1 số loại cây xung quanh bé	
7	Giao thông 3 tuần 9/2 - 6/3/2026	9/02- 13/02/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		16/02- 27/02/2026 (Nghỉ tết 1 tuần)	Phương tiện giao thông đường thủy	
		02/03- 6/03/2026	Phương tiện giao thông hàng không , đường sắt	
	Nước và HTTN	9/03- 13/03/2026	Các nguồn nước	
		16/03- 20/03/2026	Vòng tuần hoàn của nước	

8	4 tuần 9/3-3/4/2026	23/03- 27/03/2026	Tính chất của nước	
		30/03- 03/04/2026	Một số HTTN	
9	Quê hương đất nước Bắc Hồ 4 tuần 06/04-1/5/2026	6/04- 10/04/2026	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	
		13/04- 17/04/2026	Thủ Đô Hà Nội	
		20/04- 24/04/2026	Quê hương Nam Định	
		27/04 - 01/05/2026	Bác Hồ kính yêu	
10	Trường tiểu học 2 tuần 4/5- 15/5/2026	04/05 - 08/05/2026	Trường tiểu học	
		11/05 - 15/05/2026 (KT học Kỳ II trước ngày 24/5/2026)	Bé chuẩn bị vào lớp 1	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
MT134: Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Cân nặng: + Trẻ trai: 15.9 – 27.1 kg + Trẻ gái: 15.3-27.8 kg Chiều cao:	+Khẩu phần ăn đảm bảo: 615-726 Kcal/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý +Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ.	

<p>+ Trẻ trai: 106.1-125.8 cm</p> <p>+ Trẻ gái: 104.9-125.4 cm</p>	<p>+ Phòng tránh các bệnh cho trẻ.</p>	
<p>* Phát triển vận động</p>		
<p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>MT 1: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp</p>	<p>- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: tay, bụng, chân, bật</p>	
<p>2. Thực hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</p>		
<p>MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lên xuống ván dốc(dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m</p> <p>-Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục</p> <p>-Đứng một chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây</p> <p>-Trẻ đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) (CS 11)</p>	<p>- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối</p> <p>- Đi trên dây(dây đặt trên sàn)</p> <p>- Đi trên ván kê dốc</p> <p>- Đi nổi bàn chân tiến lùi</p> <p>- Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục</p> <p>- Đi thăng bằng trên ghế thể dục.</p>	
<p>MT3: Trẻ kiểm soát được vận động</p> <p>-Đi chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)</p>	<p>- Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần</p> <p>- Chạy chậm khoảng 100-120m</p>	

<p>MT4 :Phối hợp tay mắt trong các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách 4m (CS 3) - Ném trúng đích đứng(xa 2m x cao 1.5m) - Đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp (CS 10) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt - Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2tay. (Ném trúng đích nằm ngang) - Ném xa bằng một tay, hai tay - Đập và bắt được bóng bằng 2 tay - Chuyên bắt bóng qua đầu hoặc qua chân 	
<p>MT 5 :Thể hiện nhanh ,mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây (CS12) -Ném trúng đích đứng cao1,5m xa 2m -Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> -Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây - Ném trúng đích đứng - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m-5m - Bò bằng bàn tay bàn chân qua 5-6 điểm cách nhau 60cm -Bò chui qua ống dài 1.5mx0.6m -Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx0,6m -Bật nhảy; - Bật liên tục vào vòng - Bật tách và khép chân 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục qua vật cản 15-20cm - Bò dích dắc qua 5-6 điểm cách nhau 1,5m 	
MT 6: Bật xa tối thiểu 50cm (CS1)	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40-50cm -Bật bằng 2 chân -Tiếp xúc đất thẳng bằng hoặc có loạng choạng chạm đất rồi lấy được thẳng bằng 	
MT 7: Nhảy xuống từ độ cao 40cm (CS2)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy được ở độ cao 40cm -hai bàn chân/ hai đầu bàn chân chạm đất nhẹ nhàng -Người thẳng bằng/loạng choạng rồi lấy được thẳng bằng 	
MT 8: Trèo lên xuống 7 gióng thang (CS4)	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên xuống gióng thang phối hợp chân nọ tay kia -Trèo lên thang ít nhất 1,5m 	
MT 9: Trẻ nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu (CS 9)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục - Biết đổi chân (đổi chân không phải dừng lại, không cần sự giúp đỡ) khi nhảy 5 bước liên tục 	
MT 10: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. (CS13)	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 150m liên tục -Phối hợp tay chân nhịp nhàng -Chạy với tốc độ chậm đều 	

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt

MT11: Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay mắt:

- Uốn ngón tay, bàn tay , xoay cổ tay
- Gập mở lần lượt từng ngón tay
- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động:
Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số
- Cắt được theo đường viền của hình vẽ (CS 7)
- Trẻ biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu
- Trẻ biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu
- Trẻ biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa(phéc mơ tuya)

- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay
- Bẻ, nắm
- Lắp ráp
- Xé cắt đường vòng cung
- Tô đồ theo nét
- Cài, cởi cúc, kéo khóa(phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây

MT12: Trẻ thực hiện được tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)

- Tô kín các hình vẽ đen trắng bằng bút sáp không chừa ra ngoài hình.

MT 13: Trẻ thực hiện được dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn (CS8)

- Dán các hình cắt sẵn vào vị trí cho trước

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:		
MT14: -Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm(thực phẩm giàu chất đạm, thực phẩm giàu vitamin	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm	
MT15:Trẻ nói một số món ăn hàng ngày, và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc dán kho, gạo nấu cơm nấu cháo....(CS19)	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống	
MT16:Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn , ăn chín, uống nước đun sôi để nguội, uống nhiều nước ngọt, có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe . (CS20)	- Nhận biết bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất -Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì	
2. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT17: Thực hiện một số việc đơn giản : -Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng (CS15,16) -Tự thay quần áo khi bị ướt, bản đề vào nơi qui định -Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/giặt nước cho sạch	-Tập luyện kỹ năng : đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. -Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	

MT18: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Biết sử dụng bát , thìa ,cốc theo đúng chức năng	
3.Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT19:Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	-Mời cô , mời bạn khi ăn và ăn từ tốn -Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn -Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau -Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	
MT20: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	-Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy -Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh -Nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt... -Che miệng khi ho , hắt hơi (CS 17) -Đi vệ sinh đúng nơi qui định -Bỏ rácđúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp	
4.Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT21: Trẻ biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	Nhận biết bàn là, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các	

	vật sắc nhọn	
MT22: Trẻ biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm đến tính mạng, những nơi không an toàn	Nhận biết những nơi như: ao, hồ, bể chứa nước, giếng bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	
MT23: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	<ul style="list-style-type: none"> -Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.... -Biết không tự ý uống thuốc -Biết : ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe 	
MT24: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:	<ul style="list-style-type: none"> Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... -Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> +Khi nguồi lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường , lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo -Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ 	

<p>MT25: Thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p>	<p>-Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi</p> <p>-Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>-Không leo trèo cây, ban công, tường rào</p>	
<p>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p>		
<p><i>a, Khám phá khoa học</i></p>		
<p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</p>		
<p>MT26:Tò mò tìm tòi , khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”....</p>	<p>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm</p> <p>-Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa</p> <p>Các nguồn nước trong môi trường</p>	
<p>MT27: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Sử dụng giác quan: tri giác, thính giác, vị giác, khứu giác, thị giác khám phá đối tượng</p>	
<p>MT28:Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (CS95)</p>	<p>- Nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình.</p>	
<p>MT29:Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh</p>	<p>Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật</p> <p>-Cho trẻ làm thử nghiệm với nước, muối đường.....</p>	

sự phát triển.	-Một vài đặc điểm, tính chất của đất, cát, sỏi, đá	
MT30: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Tìm tòi khám phá các đối tượng động vật , thực vật, vấn đề về tự nhiên và xã hội thông qua sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
MT 31:Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau (CS96)	-Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu -Phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng -Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu	
2.Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giả quyết vấn đề đơn giản.		
MT 32: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng (CS114) Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	-Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống -Phát hiện ra hiện tượng -Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó -Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách	

	<p>bảo vệ nguồn nước.</p> <p>-Không khí , các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây</p>	
MT 33: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Có thể giải quyết một sự việc bằng nhiều cách nhưng không làm thay đổi tính quan trọng của sự việc	
3.Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT 34: Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	<p>-Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi</p> <p>-Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông</p> <p>-Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây , hoa , quả</p> <p>-Một số đặc điểm, tính chất của nước</p> <p>-Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ các nguồn nước.</p> <p>-So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</p> <p>- Nêu lên được sự giống nhau và khác nhau của con vật, đồ vật, các loại phương tiện giao thông.....</p>	

	-Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	
MT 35: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....	- Trả lời đúng các câu hỏi trong các trò chơi âm nhạc, - Trẻ thực hiện đúng các đặc điểm của đối tượng thông qua các hoạt động tạo hình	
<i>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>		
1, Nhận biết số đếm, số lượng		
MT 36: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Đây là mấy?”.	- Trẻ thích đếm, nhận biết các con số trong phạm vi 10	
MT 37: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (CS 104)	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	
MT 38: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Trẻ phân thành các nhóm theo các cách khác nhau và nhận xét được tổng các nhóm trong phạm vi 10	
MT 39: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	
MT 40: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau (CS105)	Tách 10 đồ vật thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau và đếm -Nói được nhóm nào có nhiều hơn/ít hơn/bằng nhau	

MT 41:Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự (CS104)	-Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 10 -Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được.	
MT 42: Nhận biết các con số được sử dụng trong hàng ngày	- Trẻ nhận biết và đọc được số nhà, biển số xe, số điện thoại của bố mẹbiết sử dụng - Số vào trò chơi bán hàng, ghi số lượng hàng hóa ...	
2.Sắp xếp theo qui tắc		
MT 43:Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	
MT 44:Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu)và sao chép lại.(CS 116)	Nhận ra qui tắc sắp xếp và biết sao chép lại đúng như mẫu của cô	
MT 45: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Trẻ sắp xếp các đối tượng theo cách của trẻ(khác mẫu của cô). Tạo ra cách sắp xếp	
3.So sánh 2 đối tượng		
MT 46: Sử dụng được một số dụng cụ để đo , đong và so sánh kết quả. (CS 106)	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau -Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo -Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	
4.Nhận biết hình dạng		

MT 47:Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật (CS 107)	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ , khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế	
5.Nhận biết vị trí trong không gian và thời gian		
MT 48:Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn (CS 108)	Xác định vị trí đồ vật (Phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn	
MT 49:Gọi đúng tên các thứ tuần, các mùa trong năm (CS109)	Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	
MT 50: Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày (CS 110)	- Nói được hôm nay là thứ mấy, ngày mai là thứ mấy - Nói được các sự kiện diễn ra hôm qua , hôm nay và ngày mai	
MT 51: Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (CS111)	- Nói được lịch/ đồng hồ dùng để làm gì - Nói được ngày trên lịch -Nói được giờ chẵn trên đồng hồ	
<i>c,Khám phá xã hội</i>		
1.Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT 52:Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên	

bản thân khi được hỏi trò chuyện	ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình	
MT 53:Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi , trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	Các thành viên trong gia đình,nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn).Nhu cầu gia đình	
MT 54:Nói được địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) khi được hỏi trò chuyện	Trẻ nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại	
MT 55:Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ nói được địa chỉ, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non	
MT 56: Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ nói tên ,công việc của các cô giáo, các bác trong trường	
MT 57: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi,trò chuyện.	Nói đúng tên và các đặc điểm của các bạn trong lớp , các hoạt động của trẻ ở trường	
2.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT 58:Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ : nghề làm nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà(CS 98)	Tên gọi, đặc điểm, sự khác nhau của một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	

3.Nhận biết một số lễ hội, danh lam thắng cảnh		
MT 59:Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của mỗi dịp lễ hội.	- Nói được tên của một số lễ hội của quê hương Nam Định: hội chợ viêng, hội đèn trầu và một số ngày lễ hội : Ngày quốc khánh 2-9, tết nguyên đán, ngày giải phóng Miền Nam	
MT 60:Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh , di tích lịch sử của quê hương, đất nước	Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử , danh lam thắng cảnh... của quê hương , đất nước	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
<i>1.Nghe hiểu lời nói</i>		
MT 61:Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể (CS62)	Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp	
MT 62:Hiểu nghĩa của từ khái quát : phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng(đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập (CS63)	Hiểu các từ khái quát , từ trái nghĩa	
MT 63: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	Trẻ chăm chú lắng nghe và đưa ra lời nhận xét ý kiến của người đối thoại	
MT 64: Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (CS64)	- Trẻ thể hiện mình hiểu ý chính của câu chuyện, thơ, đồng dao: tên truyện/bài thơ/ đồng dao/ca dao....., các nhân vật, các tình huống trong câu chuyện -Kể được nội dung chính trong câu chuyện, bài thơ, đồng dao trẻ được nghe	

MT 65: Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS61)	- Trẻ lắng nghe và nhận ra được ít nhất 3 cảm xúc trong các cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi qua ngữ điệu lời nói của người khác -Trẻ thể hiện được cảm xúc qua ngữ điệu lời nói của trẻ	
MT 66: Trẻ có khả năng nói rõ ràng (CS65)	- Phát âm đúng và rõ ràng, không nói ngọng nói lắp, nói đủ câu, để người khác có thể hiểu được.	
<i>2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
MT 67:Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được (CS70)	- Tự kể lại sự việc hiện tượng rõ ràng theo trình tự logic về sự việc hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. Khi người nghe chưa rõ thì trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích	
MT 68:Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...phù hợp với ngữ cảnh (CS66)	Sử dụng đúng các danh từ, động từ, tính từ,.. chỉ svht phù hợp với ngữ cảnh.	
MT 69:Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.(CS 67)	Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	
MT 70:Sử dụng lời nói để trao đổi chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động (CS 69)	Trẻ trao đổi chỉ dẫn bạn để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong quá trình hoạt động	
MT71: Không nói leo ngắt lời người khác khi trò	Giơ tay khi muốn nói, không nói chen vào khi	

chuyện (CS75)	người khác đang nói -Tập chung không bỏ giữa chừng trong trò chuyện	
MT 72:Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật	- Trẻ kể lại sự việc 1 cách mạch lạc rõ ràng	
MT 73: Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao , tục ngữ, hò vè....	
MT 74: Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định .(CS71)	- Thường xuyên tự kể lại được nội dung câu chuyện đã được nghe 1 cách rõ ràng theo trình tự nhất định.	
MT 75:Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện	- Trẻ biết kể chuyện sáng tạo	
MT 76:Đóng được vai của nhân vật trong chuyện	Đóng kịch	
MT 77: Sử dụng các từ cảm ơn , xin lỗi, thưa, dạ, vâng phù hợp với tình huống (CS 77)	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	
MT 78:Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh (CS 73)	- Trẻ tự điều chỉnh được giọng nói, ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu giao tiếp.	
<i>3.Làm quen với việc đọc- viết</i>		
MT 79:Chọn sách để đọc và xem (CS 80)	- Tìm sách để đọc, yêu cầu người khác đọc sách để nghe, thường xuyên thể hiện hứng thú khi	

	<p>nghe cô giáo đọc sách cho cả lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết hỏi và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung sách cô đọc - Thường chơi ở góc sách, “đọc” sách tranh. 	
MT 80:Có hành vi bảo vệ, giữ gìn sách (CS 81)	<p>Cầm, giữ sách cẩn thận</p> <p>Trẻ thường xuyên để sách đúng nơi qui định</p>	
MT 81: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân (CS85)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể nói được nội dung của tranh minh họa. - Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện. 	
MT 82:Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách (CS 83)	- Cầm sách đúng chiều, biết cách lật trang, đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	
MT 83:Biết chữ viết có thể đọc thay cho lời nói (CS 86)	- Hiểu được chữ viết có thể đọc và sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau.	
MT 84:Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông (CS 82)	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông..)	
MT 85:Nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (CS 91)	<p>Nhận dạng được ít nhất 20 chữ cái</p> <p>-Phát âm đúng</p>	
MT 86:Tô, đồ nét chữ, sao chép một số ký hiệu,	-Biết sử dụng các dụng cụ vẽ, viết khác nhau	

chữ cái, tên của mình (CS 88)	-Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày -Sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự	
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
<i>1. Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
MT 87:Nói được họ tên, giới tính của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại (CS 27)	-Trẻ nói được: Họ và tên của bản thân, giới tính của bản thân, họ và tên của bố, mẹ, nghề nghiệp của bố, mẹ, địa chỉ gia đình, số điện thoại	
MT 88:Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được (CS 29)	-Trẻ nói việc mình có thể làm được phù hợp với khả năng thực tế của bản thân -Nói được điều mình thích đúng với biểu hiện trong thực tế	
MT 89:Nói được mình có điểm gì giống và khác các bạn(dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) KPKH	Điểm giống và khác nhau của mình với bạn khác	
MT 90:Biết mình con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ cô giáo những việc vừa sức	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình, lớp học	
MT 91:Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS 28)	-Trẻ trai: mạnh mẽ, dứt khoát -Trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ	

	-Lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính	
MT 92: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân (CS 30)	- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi các hoạt động khác theo sở thích của bản thân. - Cố gắng thuyết phục bạn/người liên quan để những đề xuất của mình được thực hiện	
MT 93: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS 34)	-Mạnh dạn nói lên suy nghĩ của riêng mình	
2.Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 94:Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) (CS 33)	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	
MT 95:Cố gắng hoàn thành công việc được giao (CS 31)	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, thu dọn đồ dùng đồ chơi.....)	
MT 96: Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi (CS 42)	- Nhanh chóng hòa đồng vào hoạt động chung nhóm bạn -Vui vẻ thoải mái khi chơi trong nhóm bạn	
3.Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT 97:Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.(CS 35)	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	

MT 98:Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. (CS36)	Thể hiện 4 trong 6 trạng thái cảm xúc phù hợp với tình huống qua lời nói cử chỉ, nét mặt khi: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	
MT 99: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè (CS 37)	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui) -An ủi người thân hay bạn bè khi họ buồn, -Chúc mừng, ca ngợi cổ vũ khi họ có niềm vui	
MT 100: Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)	- Nhận ra được cái đẹp, thể hiện sự thích thú reo hò khen ngợi xuýt xoa , nâng niu trước cái đẹp	
MT 101: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS 41)	- Trấn tĩnh lại và hạn chế được cảm xúc khi được người khác giải thích, an ủi	
MT 102: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(chỗ ở, nơi làm việc.....)	- Bác Hồ là lãnh tụ của dân tộc VN, Biết quê Bác, chỗ ở, nơi làm việc của Bác.... - Bác yêu các em nhỏ, các bạn nhỏ yêu quý Bác Hồ.	
MT 103: Trẻ thể hiện tình cảm với Bác Hồ khi nghe hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thích đọc thơ, kể chuyện, hát những bài hát về BH.	
MT 104: Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục món ăn của quê hương đất nước)	- Kể tên 1 số cảnh đẹp của QH, 1 số món ăn, trang phục truyền thống của các vùng miền	
4.Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội		

MT 105: Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng , đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn khi ngủ, đi bên phải lề đườn, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông, bà, bố ,mẹ, muốn đi chơi phải xin phép...)	
MT 106: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (CS 54)	Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự	
MT 107: Trẻ chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác (CS 48)	- Chú ý nghe người khác nói -Không cắt ngang khi người khác đang nói - Chấp nhận ý kiến khác của bạn	
MT 108:Biết chờ đến lượt (CS 47)	-Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận chờ đến lượt tham gia vào hoạt động	
MT 109: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (CS 51)	- Thực hiện sự phân công của người khác.	
MT 110: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác (CS 52)	- Chủ động/tự giác thực hiện những việc đơn giản cùng các bạn -Phối hợp với các bạn khi thực hiện, không xảy ra mâu thuẫn	
MT 111:Nhận ra việc làm của mình ảnh hưởng đến người khác (CS 53)	Nói được việc làm của mình gây ảnh hưởng / gây phản ứng cho người khác như thế nào	
MT 112:Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa	Biết lắng nghe ý kiến, quan tâm, chia sẻ, trao	

thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	đổi thỏa thuận với bạn, giúp đỡ bạn....	
MT 113:Trẻ biết cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận, nhường nhịn) (CS 50)	Biết giải quyết mâu thuẫn giữa mình với các bạn trong nhóm, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận, nhường nhịn. Chơi với bạn vui vẻ, nhường nhịn	
5.Quan tâm đến môi trường		
MT 114: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc (CS 39)	- Thích chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây - Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm chúng	
MT 115:Bỏ rác đúng nơi qui định	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định	
MT 116:Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa....)	Giữ gìn vệ sinh môi trường	
MT 117:Trẻ có khả năng nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (CS 56)	- Nhận ra được các hành vi đúng sai đối với môi trường -Biết được (hoặc có sự gợi ý) ảnh hưởng tốt/xấu của hành vi đó	
MT 118:Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng,	Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt	

không để thừa thức ăn (CS 57)		
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
<i>1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
MT 119: Trẻ tán thưởng tự khám phá, bắt chước âm thanh dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các svht	Trẻ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc và ngắm nhìn các vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
MT 120: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc(hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ đồng dao ca dao tục ngữ thích nghe và kể câu chuyện	-Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	
MT 121:Nhận ra giai điệu(vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc (CS 99)	Nghe và nhận ra sắc thái(vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	
MT 122:Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (Về màu sắc, hình dáng, bố cục....) của các tác phẩm tạo hình	- Trẻ ngắm nhìn và đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục của các tác phẩm tạo hình	
<i>2.Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</i>		
MT 123: Hát đúng giai điệu lời ca , hát diễn cảm phù hợp với sắc thái , tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ(CS 100)	Hát đúng giai điệu lời ca , hát diễn cảm phù hợp với sắc thái , tình cảm của bài hát	
MT 124: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu nhịp điệu	

thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức(võ tay theo các loại tiết tấu, múa) (CS 101)	và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát bản nhạc	
MT 125: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	
MT 126: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
MT 127: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
MT 128: Phối hợp các kỹ năng nặn để thành sản phẩm có bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
MT 129: Phối hợp kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
MT130: Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng, bố cục	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng, hình dáng/đường nét và bố cục	
<i>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i>		
MT131: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, theo bản nhạc, bài hát yêu thích	-Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, theo bản nhạc, bài hát yêu thích	

	-Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	
MT132: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
MT133:Nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình của mình (CS 103)	Nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	

II. Độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non 3 tuần 08/09/2025-26/9/2025	08/ 09 - 12/09/2025	Trường mầm non Mỹ Xá của bé	
		15 /09 - 19/09/2025	Lớp học thân yêu của bé	
		22 /09 - 26/09/2025	Tết trung thu, mùa thu	
2	Bản Thân 4 tuần 29/09/2025- 24/10/2025	29/09 - 03/10/2025	Tôi là ai	
		6/10 - 10/10/2025	Cơ thể tôi	
		13/10 - 17/10/2025	Các giác quan của cơ thể	
		20/10 - 24/10/2025	Nhu cầu dinh dưỡng đối với sức khỏe của bé	
	Gia đình	27/10 - 31/10/2025	Bố mẹ và những người thân yêu	

3	4 tuần 27/10-21/11/2025	03/11 - 07/11/2025	Ngôi nhà bé ở	
		10/11 - 14/11/2025	Đồ dùng trong gia đình thân quen	
		17/11 - 21/11/2025	Dinh dưỡng và sức khỏe của gia đình bé	
4	Những nghề bé biết 4 tuần 24/11 -19/12/2025	24/11 - 28/11/2025	Cô giáo của em	
		01/12 - 05/12/2025	Bác Nông dân	
		08/12 - 12/12/2025	Cô y tá, bác sỹ	
		15/12 - 19/12/2025	Nghề bộ đội	
5	Những con vật gần gũi 4 tuần 22/12-16/1/2026	22/12 - 26/12/2025	Con vật thân quen trong nhà	
		29/12/2025 - 2/1/2026	Vườn thú	
		05/01- 9/01/2026	Động vật sống dưới nước	
		12/01- 16/01/2026 (KT Học kỳ I)	Côn trùng , chim.	
6	Tết, Lễ hội mùa xuân (2 tuần) 19/1- 30/1/2026	19/01- 23/01/2026	Ngày tết quê em	
		26/01- 30/01/2026	Lễ hội mùa xuân	
7	Thực vật 4 tuần 2/2 - 6/3/2026	2/02- 6/02/2026	Một số loại rau, củ	
		9/02- 13/02/2026	Cây xanh	
		16/02- 27/02/2026 (Nghỉ tết 1 tuần)	Một số loại quả	

		02/03- 6/03/2026	Một số loại hoa	
8	Bé đi đường an toàn. 9/3-27/3/2026	9/03- 13/03/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		16/03- 20/03/2026	Phương tiện giao thông đường sắt, hàng không	
		23/03- 27/03/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
9	Nước và HTTN 4 tuần 30/3-24/4/2026	30/03- 03/04/2026	Nước và tầm quan trọng của nước	
		6/04- 10/04/2026	Sự kì diệu của nước	
		13/04- 17/04/2026	Các hiện tượng thời tiết	
		20/04- 24/04/2026	4 mùa trong năm	
10	Quê hương đất nước Bắc Hồ 3 tuần 27/4-15/5/2026	27/04 - 01/05/2026	Thành phố Nam Định	
		04/05 - 08/05/2026	Lễ hội quê em	
		11/05 - 15/05/2026 (KT học Kỳ II trước ngày 24/5/2026)	Bác Hồ kính yêu	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>MT101: Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</i>	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 615 - 726 Kcal/ngày (tại trường Mầm non).	

<p>Cân nặng:</p> <p>+ Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg</p> <p>+ Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg</p> <p>Chiều cao:</p> <p>+ Trẻ trai: 100,7 - 119,2 kg</p> <p>+ Trẻ gái: 99,9 - 118,9 kg</p>	<p>+ Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp.</p> <p>+ Cân đo theo quý</p> <p>+ Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng</p> <p>+ Khám sức khỏe định kỳ.</p> <p>+ Phòng tránh các bệnh cho trẻ.</p>	
<p><i>*Phát triển vận động</i></p>		
<p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>MT1: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh</p>	<p>Các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:</p> <p>- Hô hấp:</p> <p>+ Hít vào sâu, thở ra từ từ.</p> <p>+ Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng nơ, lá cây..</p> <p>- Tay:</p> <p>+ 2 tay lên cao, ra phía trước, dang ngang.</p> <p>+ Hai tay đưa ra phía trước - sau. Vỗ vào nhau.</p> <p>+ Đưa ra trước, gập khuỷu tay.</p>	

- + Đưa hai tay ra trước về phía sau.
- + Đánh xoay tròn bả vai.
- Lưng, bụng:
 - + Nghiêng người sang hai bên.
 - + Quay người sang hai bên.
 - + Đứng cúi người về phía trước.
 - + Ngồi cuối người về phía trước, ngửa ra sau.
 - + Ngồi quay người sang hai bên.
- Chân:
 - + Đứng, một chân đưa lên trước khuyu gối.
 - + Đứng một chân nâng cao - gập gối.
 - + Đứng, nhún chân, khuyu gối.
 - + Ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng.
 - + Bật lên trước, ra sau, sang bên.

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động

<p>MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi được thực hiện vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối -Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m -Đi thăng bằng trên ghế thể dục, trên vạch kẻ thẳng trên sàn 	
<p>MT3: Trẻ biết kiểm soát được vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh -chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc, theo vật chuẩn - chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc, theo vật chuẩn 	
<p>MT4: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động</p>	<p>Tung bóng lên cao và bắt bóng</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng(Khoảng cách 3 mét) -Đập và bắt bóng tại chỗ 4-5 lần -Ném xa bằng 1 tay, 2 tay -Ném trúng đích đứng bằng 1 tay(xa 1,5m x cao 1,2m) 	

	-Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân	
MT5: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> -Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10giây -Chạy chậm 60-80mét -Ném trúng đích ngang(xa 2mét) -Bò trong đường dích dắc 3-4 điểm dích dắc, cách nhau 2mét) -Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m -Bò dích dắc qua 5 điểm -Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m -Trườn theo hướng thẳng -Trèo qua ghế 1,5m x 30cm -Trèo lên, xuống 5 gióng thang -Bật xa 35-40cm -Bật- nhảy từ trên cao xuống(cao30-35cm) -Bật tách-khép chân qua 5 ô -Bật qua vật cản cao10-15cm -Bật liên tục về phía trước -Nhảy lò cò 3m 	

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt		
<p>MT6: Trẻ biết thực hiện được các vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cuộn - xoay tròn cổ tay -Gập mở các ngón tay 	<ul style="list-style-type: none"> -Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nới 	
<p>MT7: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay , phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> Gập giấy -Lắp ghép hình -Xé cắt đường thẳng -Tô, vẽ hình -Cài , cời cúc, khâu buộc dây 	
<p>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:		
<p>MT8: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá , trứng , sữa -Thực phẩm giàu chất tinh bột: Gạo, ngô, khoai , sắn - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau xanh, các loại quả... -Thực phẩm giàu chất béo: Mỡ , dầu, lạc, vừng 	<p>Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)</p>	

<p>MT9: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh, gạo nấu cơm, nấu cháo</p>	<p>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn</p>	
<p>MT10: Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng</p>	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất</p> <p>-Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>	
<p>2.Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p>		
<p>MT11: Trẻ biết thực hiện một số việc khi được nhắc nhở:</p> <p>-Tự rửa tay bằng xà phòng .Tự lau mặt đánh răng</p> <p>- Tự thay quần, áo khi ướt, bẩn</p>	<p>-Tập đánh răng, lau mặt</p> <p>-Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng</p> <p>-Đi vệ sinh đúng nơi quy định</p>	
<p>MT12: Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn</p>	<p>- Cầm bát thìa đúng cách: Tay phải cầm thìa, tay trái giữ bát</p>	
<p>3.Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</p>		
<p>MT13: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống , không ăn các thức ăn có mùi ôi thiu,không uống nước lã.</p>	<p>- Biết mời cô mời bạn khi ăn , không nói chuyện khi ăn, ăn hết suất không làm rơi vãi, ăn từ tốn nhai kỹ</p> <p>- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn</p>	

	khác nhau - Không uống nước lã, ăn thức ăn có mùi ôi thiu	
<p>MT14: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, - Đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học -Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt.... -Đi vệ sinh đúng nơi quy định -Bỏ rác đúng nơi qui định 	<ul style="list-style-type: none"> -Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe -Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người -Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết -Ích lợi của việc mặc trang phục phù với thời tiết -Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản 	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
<p>MT15: Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn . không nên nghịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng : Bếp đang đun, bàn là đang nóng, ổ điện, bếp ga, các vật sắc nhọn: Dao, kéo,kim ... 	
<p>MT16: Trẻ biết nhận ra những nơi (hồ ao, bể nước, giếng, suối là nơi nguy hiểm không được chơi gần</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như: Những khu vực hồ, ao, giếng , sông suối là nơi không an toàn. 	
<p>MT17: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Không cười đùa trong khi ăn, uống khi ăn các loại quả có hạt 	

	<ul style="list-style-type: none"> -Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn -Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo 	
MT18: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	<p>Nhận biết biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.Nói được tên, địa chỉ gia đình , số điện thoại người thân khi cần thiết. 	
LĨNH VỰC phát triển Nhận thức		
* Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng		
MT19: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng:” Vì sao cây lại héo; vì sao cây lại ướ”...	<ul style="list-style-type: none"> -Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. -Sự khác nhau giữa ngày và đêm 	

<p>MT20: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, ngửi, sờ, nếm để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng...</p>	<p>-Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể</p>	
<p>MT21: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu, đường, muối và nước, dự đoán, quan sát, so sánh</p>	<p>-Đặc điểm, tính chất của màu, đường, muối</p> <p>- Ích lợi của nước đối với đời sống của con người, con vật và cây</p> <p>-Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <p>-Một số đặc điểm tính chất của nước</p>	
<p>MT22: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện</p>	<p>-Đặc điểm, công dụng đồ dùng đồ chơi</p> <p>-Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông</p>	
<p>MT23: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu (CĐ: MN, ĐV, TV,GT)</p>	<p>-Phân loại đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu</p> <p>-Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu</p>	
<p>2.Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giả quyết vấn đề đơn giản.</p>		
<p>MT24: Trẻ biết nhận xét được một mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.</p>	<p>Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa</p>	

	<p>con vật, cây với môi trường sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách chăm sóc và vệ con vật, cây - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí , các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây 	
MT25: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	-Giải thích các hiện tượng nước bốc hơi lấy tấm kính chắn lên, cách lấy nước vào chai, hiện tượng vật nổi vật chìm...	
3.Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT26: Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	<ul style="list-style-type: none"> -Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người -So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi -So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả -Sự khác nhau giữa ngày và đêm 	

MT27: Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc và tạo hình	-Hát các bài hát về cây con vật -Vẽ, xé dán, nặn, ghép hình...cây cối con vật	
<i>*Làm quen với một số KN sơ đẳng về toán</i>		
1,Nhận biết số đếm, số lượng		
MT28: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như đếm các vật ở xung quanh, hỏi : “ Bao nhiêu,” “ Là số mấy”	- Đếm số lượng con vật, đồ dùng, đồ chơi trong lớp - Đặt câu hỏi về số lượng	
MT29: Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10	- đếm, số lượng trong phạm vi 10 -Đếm theo khả năng	
MT30: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ : Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	
MT31: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	-Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	
MT32: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	-Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	
MT33: Trẻ biết sử dụng số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự	
MT34: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được	– Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số	

sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	xe,..)	
2.Sắp xếp theo qui tắc		
MT35: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	– So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc	
3.So sánh 2 đối tượng		
MT36: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	Đo độ dài 1 vật bằng một đơn vị đo Đo dung tích bằng đơn vị đo	
4.Nhận biết hình dạng		
MT37 : Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	– So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	
MT38: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu..	
5.Nhận biết vị trí trong không gian và thời gian		
MT39: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác: Phía trước- Phía sau; Phía trên- Phía dưới; Phía phải- Phía trái.	
MT40: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo	Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	

trình tự thời gian trong ngày		
MT41: Trẻ nhận biết được phía phải, phía trái bản thân	-Định hướng không gian: Nhận biết phía phải, phía trái của bản thân	
* Khám phá xã hội		
1.Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT42: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ, tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	
MT43: Trẻ nói họ tên và công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ, tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	
MT44: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình(số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện	Địa chỉ gia đình trẻ đang sống (số nhà, đường phố, thôn xóm).	
MT45: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường/ lớp khi được hỏi, trò chuyện	Tên, địa chỉ của trường, lớp.	
MT46 : Trẻ nói được tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường: Bác hiệu trưởng, hiệu phó, bảo vệ, lao công.	
MT47: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn.Các hoạt động của trẻ ở trường.	
2.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		

MT48: Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm ích lợi của một số nghề khi được hỏi trò chuyện	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương	
3.Nhận biết một số lễ hội, danh lam thắng cảnh		
MT49: Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước	
MT50: Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.	
LĨNH VỰC phát triển ngôn ngữ		
1.Nghe hiểu lời nói		
MT51: Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ :”Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	
MT52: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát : rau quả, con vật, đồ gỗ	Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... Nghe hiểu nghĩa của từ khái quát : rau quả, con vật, đồ gỗ	
MT53: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	

	-Nói , thể hiện, cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	
2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT54: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. -Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? , để làm gì?.....	
MT55: Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động	- Nghe,sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.	
MT56: Trẻ biết Sử dụng được các loại câu đơn , câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	-Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp hàng ngày -Bày tỏ tình cảm , nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn câu ghép -Trả lời và đặt câu hỏi	
MT57: Trẻ biết Kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	
MT58: Trẻ biết Đọc thuộc bài thơ, đồng dao,ca dao	Nghe, đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè về con vật, cây cối, thiên nhiên phù hợp với độ tuổi.	
MT59: Trẻ biết Kể chuyện có mở đầu kết thúc	Kể lại chuyện đã được nghe	
MT60: Trẻ biết bắt chước giọng nói điệu bộ của nhân vật trong truyện	-Nghe, sử dụng các từ biểu cảm -Đóng kịch	

MT61: Trẻ biết Sử dụng các từ: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
MT62: Trẻ biết Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	-Nói to, nhỏ, thì thầm phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. -Nói , thể hiện, cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	
3.Làm quen với việc đọc- viết		
MT63: Trẻ biết chọn sách để xem	Xem và nghe, đọc các loại sách khác nhau. Giữ gìn, bảo vệ sách.	
MT64: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	
MT65: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. ‘ đọc vẹt” theo tranh minh họa	-Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách “Đọc”chuyện qua sách tranh/ tranh vẽ -Làm quen với cách đọc sách(Hướng đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu) -Phân biệt đầu, kết thúc của sách -Giữ gìn, bảo vệ sách.	
MT66: Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy	

hiếm v.v...	hiếm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ)	
MT67: trẻ biết sử dụng ký hiệu để “ viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	<p>Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ : từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)</p> <p>Làm quen với công cụ viết và đưa tay và tạo thành nét của chữ cái</p> <p>Nhận dạng một số chữ cái.</p> <p>Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p>	
LĨNH VỰC phát triển tư duy & kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT68: Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	Tên, tuổi, giới tính.	
MT69: Nói được điều bé thích, không thích những việc bé có thể làm được	Sở thích, khả năng của bản thân.	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT70: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	Sở thích của bản thân.	
MT71: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc	Thể hiện năng lực của bản thân trong các hoạt	

được giao(Trục nhật, dọn đồ chơi...)	động phù hợp.	
3.Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT72: Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận ngạc nhiên qua nét mặt , giọng nói qua tranh ảnh	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc(Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt cử chỉ giọng nói , tranh ảnh	
MT73: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát vận động; vẽ; nặn; xếp hình.	
MT74: Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	Kính yêu Bác Hồ.	
MT75: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Cho trẻ hát, đọc thơ, kể truyện các bài hát, bài thơ, câu chuyện có nội dung về Bác Hồ.	
MT76: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	
4.Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội		
MT77: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn , vâng lời ông bà bố mẹ	Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng	
MT78: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi	Trẻ sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	

lễ phép	Phân biệt hành vi đúng sai, tốt, xấu. Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	
MT79: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	Lắng nghe ý kiến của người khác.	
MT80: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Chờ đến lượt, hợp tác.	
MT81: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật....)	Hợp tác với bạn trong các hoạt động Quan tâm, giúp đỡ bạn.	
5.Quan tâm đến môi trường		
MT82: Trẻ thích chăm sóc cây con vật thân thuộc	Chăm sóc, bảo vệ con vật, cây cối thân thuộc.	
MT83: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	Giữ gìn vệ sinh môi trường.	
MT84: Trẻ biết không bẻ cành ngắt hoa	Quan tâm đến môi trường, cảnh quan.	
MT85: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	Tiết kiệm điện nước.	
LĨNH VỰC phát triển thêm nữa		
1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT86: Trẻ biết vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát , bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên cuộc	

tượng	sống và tác phẩm nghệ thuật.	
MT87: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao,tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các bài hát, bài nhạc; các bài thơ, ca dao, tục ngữ, kể các câu chuyện có trong chương trình -Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
MT88: Trẻ thích thú ngắm nhìn , chỉ, sờ, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	-Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/đường nét.	
2.Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT89: Trẻ biết hát đúng giai điệu lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	
MT90: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	
MT91: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình (đất nặn, màu vẽ...), vật liệu trong thiên nhiên(lá cây, rơm...) để tạo ra các sản phẩm.	

MT92: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng, phối hợp các kỹ năng vẽ trong hoạt động tạo hình.	
MT93: Trẻ biết xé cắt theo đường thẳng, đường cong....và dán thành sản phẩm có màu sắc bộ cục	Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT94: Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn uốn cong đất nặn để nặn thành các sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT95: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau	Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT96: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT97: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc (múa, vỗ tay theo nhịp, phách...)	
MT98: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	
MT99: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Tự lựa chọn, dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	

	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
MT100: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

III. Độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non Mỹ Xá 4 tuần 08/09/2025-3/10/2025	08/ 09 - 12/09/2025	Ngày hội đến trường	
		15 /09 - 19/09/2025	Lớp 3 tuổi của bé	
		22 /09 - 26/09/2025	Trường mầm non Mỹ Xá	
		29/09 - 03/10/2025	Bé với mùa thu	
2	Bản Thân 4 tuần 6/10/2025-31/10/2025	6/10 - 10/10/2025	Tôi là ai	
		13/10 - 17/10/2025	Cơ thể tôi	
		20/10 - 24/10/2025	Năm giác quan	
		27/10 - 31/10/2025	Món ăn Việt Nam	
3	Gia đình 4 tuần 3/11-28/11/2025	03/11 - 07/11/2025	Bố mẹ và những người thân yêu	
		10/11 - 14/11/2025	Ngôi nhà gia đình ở	
		17/11 - 21/11/2025	Nhu cầu gia đình	
		24/11 - 28/11/2025	Đồ dùng gia đình	

4	Ngành Nghề 4 tuần 1/12 -26/12/2025	01/12 - 05/12/2025	Cô giáo của em	
		08/12 - 12/12/2025	Bác nông dân	
		15/12 - 19/12/2025	Bác sỹ/ cô y tá	
		22/12 - 26/12/2025	Chú bộ đội	
5	Thế giới động vật 4 tuần 29/12-23/1/2026	29/12/2025 - 2/1/2026	Vật nuôi trong gia đình	
		05/01- 9/01/2026	Động vật sống trong rừng	
		12/01- 16/01/2026 (KT Học kỳ I)	Động vật sống dưới nước	
		19/01- 23/01/2026	Côn trùng	
6	Thế giới thực vật 4 tuần 26/1 - 27/2/2026	26/01- 30/01/2026	Một số loại rau - củ - quả	
		2/02- 6/02/2026	Hoa đẹp quanh bé	
		9/02- 13/02/2026	Tết và mùa xuân	
		16/02- 27/02/2026 (Nghỉ tết 1 tuần)	Một số loại cây	
7	Giao thông 2/3-20/3/2026	02/03- 6/03/2026	PTGT đường bộ	
		9/03 - 13/03/2026	PTGT đường thủy, đường hàng không	
		16/03 - 20/03/2026	Luật lệ giao thông	
	Nước và HTTN	23/03 - 27/03/2026	Nước và tầm quan trọng của nước	

8	4 tuần 23/3-17/4/2026	30/03 - 03/04/2026	Các nguồn nước	
		6/04 - 10/04/2026	Mùa hè	
		13/04 - 17/04/2026	Thời tiết (Nắng, mưa, gió, bão)	
10	Quê hương đất nước Bắc Hồ 4 tuần 20/4-15/5/2026	20/04 - 24/04/2026	Đất nước Việt Nam diệu kỳ.	
		27/04 - 01/05/2026	Cảnh đẹp, di tích lịch sử quê em	
		04/05 - 08/05/2026	Bác hồ của em	
		11/05 - 15/05/2026 (KT học Kỳ II trước ngày 24/5/2026)	Ngày tết thiếu nhi của bé	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
* Phát triển vận động		
MT 85: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Trẻ trai: Cân nặng từ: 12,7 – 21,2 kg Chiều cao từ: 94,9 – 111,7 cm	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 615 - 726 Kcalo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 1 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng.	

<p>+ Trẻ gái:</p> <p>Cân nặng từ: 12,3 – 21,5 kg</p> <p>Chiều cao từ: 94,4 – 111,3 cm</p>	<p>+ Khám sức khỏe định kỳ.</p> <p>+ Phòng tránh các bệnh cho trẻ.</p>	
<p>- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.</p>	<p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra</p> <p>- Tay:</p> <p>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.</p> <p>+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực</p> <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <p>+ Cúi về phía trước.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải.</p> <p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải</p> <p>Chân:</p> <p>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.</p>	

	+Co duỗi chân	
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.		
<p>2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m) - Đi kiễng gót liên tục 3 m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: +Đi kiễng gót. +Đi trong đường hẹp 	
<p>3. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 – 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: +Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. +Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. 	
<p>4. Phối hợp tay – mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 2,5 m). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: +Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. +Ném xa bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc 	
<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: 	

<p>bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> + Ném trúng đích bằng 1 tay - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dốc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30 cm). - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 – 25 cm. 	
<p>-Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt</p>		
<p>6. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. 	
<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt được một đoạn 10 cm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé dán giấy. 	

<p>+ Xếp chồng 8 – 10 khối không đồ.</p> <p>+ Tự cài, cởi cúc áo.</p>	<p>- Sử dụng kéo, bút.</p> <p>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</p> <p>- Cài, cởi cúc.</p>	
<p>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>		
<p>- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p>		
<p>8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</p>	<p>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</p>	
<p>9. Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.</p>	
<p>10. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì....).</p>	
<p>- Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:</p>		
<p>11. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <p>+ Rửa tay, lau mặt, súc miệng.</p> <p>+ Tháo tất, cởi quần, áo...</p>	<p>Tập và làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:</p> <p>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</p> <p>- Tập rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</p>	
<p>12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>- Tập sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	

- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.		
13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	
14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
16. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)	- Tránh xa hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	
17. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...	

	<ul style="list-style-type: none"> + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
<i>Khám phá khoa học</i>		
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật, hiện tượng.		
18. Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. 	
19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. + Đặc điểm nổi bật, của đồ dùng, đồ chơi. + Đặc điểm của một số PTGT quen thuộc. + Đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. 	
20. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ dùng, dụng cụ để quan sát, tìm hiểu đối tượng với sự giúp đỡ của người lớn. 	

	<ul style="list-style-type: none"> + Thả vật chìm, vật nổi + Pha màu/ dầu ăn vào nước (Pha đường/ muối vào nước) 	
21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh và nói được thông tin về đối tượng.	
22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu: + Đất/ đá/ sỏi/ cát... + Một số PTGT quen thuộc + Một số đồ dùng đồ chơi (vật nuôi, cây trồng...) + Một số HTTN 	
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
23. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa các con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.		
24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được dấu hiệu nổi bật dưới sự gợi mở của cô giáo. + Đồ dùng đồ chơi 	

	<ul style="list-style-type: none"> + PTGT + Động vật, thực vật + Một số HTTN: thời tiết, mùa, ngày và đêm... 	
25. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi trò chơi: ĐVTCD, bắt chước tạo dáng - Sản phẩm tạo hình... 	
<i>Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</i>		
- Nhận biết số đếm, số lượng		
26. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. + Một và nhiều. 	
27. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	
28. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
29. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	+ Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	
30. Tách một nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	

- Sắp xếp theo quy tắc		
31. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng + Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	
- So sánh hai đối tượng		
32. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh, sắp xếp theo quy tắc. + So sánh hai đối tượng về kích thước. + Xếp xen kẽ.	
- Nhận biết hình dạng		
33. Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
34. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian. + Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân.	
<i>Khám phá xã hội</i>		
- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.		

35.Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân.	
36.Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	
37.Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình. - Trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	
38.Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
39. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Một số nghề trong xã hội. + Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
40. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa + Cờ tổ quốc, ngày lễ hội của địa phương. + Ngày khai giảng, tết trung thu	
41.Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Danh lam thắng cảnh,	

	+ Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh...	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
- Nghe hiểu lời nói		
42. Thực hiện được yêu cầu đơn giản	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản khi được đề nghị.	
43. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả....	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. + Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	
44. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
45. Nói rõ các tiếng.	- Nói + Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	
46. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái Gì?”; “ Ở đâu?”; “Khi nào?”	

47.Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	
48.Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	+ Kể lại sự việc.	
49.Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	
50.Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	
51. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	
52.Sử dụng các từ: “ Vâng ạ”; “ạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
53. Nói đủ nghe không nói lí nhí.	+ Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	
- Làm quen với việc đọc – viết		
54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên	

	xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Giữ gìn sách	
55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	
56. Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	
LĨNH VỰC phát triển tư duy & kỹ năng xã hội		
- Thể hiện ý thức về bản thân		
57. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	
58. Nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	
- Thể hiện sự tự tin, tự lực		
59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	
60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
61. Nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn,	

giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	
62. Biết thể lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
64. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
65. Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Nhận biết hành vi “ đúng” – “ sai”, “ tốt” – “ xấu”.	
66. Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	
67. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
68. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hòa thuận với bạn.	

- Quan tâm đến môi trường		
69. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Tiết kiệm điện, nước. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	
70. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	
LĨNH VỰC phát triển thêm nữa		
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
71. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi được nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
72. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, cao dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		
73. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
74. Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân	

thuộc.	ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	
75. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	
76. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	
77. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	
78. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
79. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
80. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	
81. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
82. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	
83. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	

84.Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	
-----------------------------------	----------------------------------	--

IV. Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Bé và các bạn 3 tuần 08/09/2025-26/9/2025	08/ 09 - 12/09/2025	Bé là ai?	
		15 /09 - 19/09/2025	Bé và các bạn	
		22 /09 - 26/09/2025	Lớp học của bé	
2	Đồ chơi của bé 3 tuần 29/9- 17/10/2025	29/09 - 03/10/2025	Đồ chơi quen thuộc	
		6/10 - 10/10/2025	Đồ chơi lắp ráp, xây dựng	
		13/10 - 17/10/2025	Đồ chơi chuyển động được	
3	Các cô, các bác trong trường Mỹ Xá (3 tuần) 20/10-7/11/2025	20/10 - 24/10/2025	Cô giáo như mẹ hiền	
		27/10 - 31/10/2025	Các cô ,các bác trong trường	
		03/11 - 07/11/2025	Công việc của các cô các bác trong trường	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần) (10/11 - 05/12/2025)	10/11 - 14/11/2025	Mẹ và bé	
		17/11 - 21/11/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11	
		24/11 - 28/11/2025	Bé và những người thân yêu	
		01/12 - 05/12/2025	Đồ dùng ăn uống của bé	
	Những con vật bé	08/12 - 12/12/2025	Những con vật nuôi trong gia đình	

5	yêu 4 tuần 8/12 -2/1/2026	15/12 - 19/12/2025	Những con vật nuôi trong gia đình	
		22/12 - 26/12/2025	Những con vật sống trong rừng	
		29/12/2025 - 02/01/2026	Những con vật sống dưới nước	
6	Tết và mùa xuân 3 tuần 5/1-23/1/2026	05/01- 9/01/2026	Mùa xuân của bé	
		12/01- 16/01/2026 (KT Học kỳ I)	Ngày tết của bé	
		19/01- 23/01/2026	Món ăn ngày tết	
7	Cây và những bông hoa đẹp 4 tuần 26/1 - 27/2/2026	26/01- 30/01/2026	Vườn quả của bé	
		2/02- 6/02/2026	Vườn rau của bé	
		9/02- 13/02/2026	Những bông hoa đẹp	
		16/02- 27/02/2026 (Nghỉ tết 1 tuần)	Vườn cây của bé	
8	Bé thích đi bằng phương tiện gì? 4 tuần 2/3-20/3/2026	02/03- 6/03/2026	PTGT đường bộ:xe đạp , xe máy	
		9/03- 13/03/2026	PTGT đường bộ:ô tô ,tàu hỏa	
		16/03- 20/03/2026	PTGT đường thủy: tàu thủy , ca nô	
		23/03- 27/03/2026	PTGT đường không: máy bay	
	Mùa hè của bé	30/03- 03/04/2026	Thời tiết mùa hè	

10	4 tuần 23/3-17/4/2026	6/04- 10/04/2026	Trang phục mùa hè	
		13/04- 17/04/2026	Bé làm gì trong mùa hè	
		20/04- 24/04/2026	Món ăn mùa hè	
Bé lên mẫu giáo 3 tuần 27/4-15/5/2026		27/04 - 01/05/2026	Lớp học của bé	
		04/05 - 08/05/2026	Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	
		11/05 - 15/05/2026 (KT học Kỳ II trước ngày 24/5/2026)	Quốc tế thiếu nhi 1/6	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>a) Phát triển vận động</i>		
MT 42: Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ 24 tháng: Cân nặng: + Trẻ trai: 9.7 – 15.3 kg; Trẻ gái: 9.1 – 14.8 kg Chiều cao:	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 600 - 651 Kcal/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	

<p>+ Trẻ trai: 81.7 – 93.9 cm; Trẻ gái: 80.0 – 92.9 cm</p> <p>Trẻ 36 tháng:</p> <p>Cân nặng:</p> <p>+ Trẻ trai: 11.3 – 18.3 kg; Trẻ gái: 10.8 – 18.1 kg</p> <p>Chiều cao:</p> <p>+ Trẻ trai: 88.7 – 103.5 cm; Trẻ gái: 87.4 – 102.7cm</p>		
<p>1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p>		
<p>MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng bụng và chân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: tập hít vào thở ra - Tay: Giơ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang hai bên - Chân: Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân 	
<p>2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p>		
<p>MT2: Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay</p>	<p>Tập đi, chạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co một chân <p>Tập nhún bật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ 	
MT3: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay-mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	<p>Tập tung, ném, bắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng cùng cô 	
MT4: Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	<p>- Tập bò, trườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò trườn qua vật cản 	
MT5: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay(tối thiểu 1,5m)	<p>Tập tung, ném, bắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích 	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay		
MT6: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	<ul style="list-style-type: none"> - Múa vận động theo nhạc các bài hát liên quan đến các chủ đề 	
MT7: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, 	

<p>tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ, tô chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ</p>	<p>khuấy, đảo, vò xé</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút, tô, vẽ - Lật mở trang sách 	
--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

<p>MT8: Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống 	
<p>MT9: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa 	
<p>MT10: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay trước khi ăn, lau miệng, lau mặt; uống nước sau khi ăn. Vứt rác đúng nơi qui định - Biết tự xin cô vào nhà vệ sinh khi có nhu cầu. 	

2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe

<p>MT11: Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: 	
---	---	--

vệ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> + Xúc com, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt 	
MT12: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, - Đi giày dép phù hợp với thời tiết ; - Mặc quần áo ấm, đội mũ, quàng khăn.... khi trời lạnh 	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
MT13: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm(bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở 	
MT14: Trẻ nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		

<p>MT15: Trẻ sử dụng giác quan để sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết, đặc điểm nổi bật của đối tượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, phương tiện giao thông, hiện tượng tự nhiên - Sờ, nắn nhìn ngửi đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – chua – mặn) 	
<p>2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</p>		
<p><i>Một số đồ dùng, đồ chơi</i></p>		
<p>MT16: Trẻ có khả năng chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn chơi với búp bê và đồ dùng gia đình như ru em, bế em, cho em ăn, tắm cho em, nấu ăn và bày bàn ăn - Tên , đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng, đồ chơi quen thuộc 	
<p><i>Bản thân, người gần gũi</i></p>		
<p>MT17: Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. 	

<i>Một số bộ phận của cơ thể con người</i>		
MT18: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	
<i>Một số con vật, hoa, quả quen thuộc</i>		
MT19: Trẻ nói được tên một vài đặc điểm của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc, các phương tiện giao thông	- Tên và một số đặc điểm nổi bật (các bộ phận, hình dáng, màu sắc.....) của con vật, rau, hoa quả quen thuộc, một số loại phương tiện giao thông gần gũi	
<i>Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng vị trí không gian</i>		
MT20: Trẻ biết Chỉ / nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh - Hình tròn – hình vuông - Số lượng một – nhiều - Vị trí trong không gian (trên – dưới, trước – sau) so với bản thân trẻ.	
MT21: Trẻ biết Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có thích thước to/ nhỏ theo yêu cầu	- Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có thích thước to/ nhỏ theo yêu cầu - Kích thước to – nhỏ	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT22: Trẻ có khả năng thực hiện được	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	

nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay		
MT23: Trẻ trả lời câu hỏi: “Ai đây”; “Cái gì đây”; “...Làm gì?”; “....thế nào” (ví dụ: “ con gà gáy thế nào?”....)	- Nghe các câu hỏi: “cái gì?”, “ làm gì?”, “ để làm gì?”, “ ở đâu?”, “ như thế nào?”	
MT24: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, các câu đố bài hát và truyện ngắn - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
MT25: Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?...	
MT26: Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		
MT27: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Thể hiện nhu cầu , mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	

MT28: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ con gì đây?”, “cái gì đây?” 	
MT29: Trẻ nói to đủ nghe, lễ phép	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn 	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ		
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
MT30: Trẻ nói được một vài thông tin về mình(tên , tuổi)	<ul style="list-style-type: none"> -Tên tuổi, giới tính của bản thân 	
MT31: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích của bản thân: thích gì?; không thích gì? - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi 	
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
MT32: Trẻ có khả năng biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói 	
MT33: Trẻ nhận biết được trạng thái, cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận 	
MT34: Trẻ biểu lộ cảm xúc vui , buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ cảm xúc vui , buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ 	
MT 35: Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và bắt chước tiếng kêu của các con vật 	

tiếng kêu, gọi	- Yêu quý các con vật, cách chăm sóc	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT36: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ.	
MT37: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ(trò chơi bế em , quấy bột cho em bé, nghe điện thoại....)	- Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	
MT38: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không giành đồ chơi với bạn	
MT39: Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi đúng nơi quy định	
MT40: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	
MT41: Trẻ Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh(cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò xếp hình - Xem tranh	

